

## L'ASIE NOUVELLE (1)

## Đất Á-châu mới

(Bài diễn-thuyết của ông Bác-sĩ SYLVAIN LÉVI ở Hội Địa-du Paris)

## Deux personnalités—Deux œuvres

Je vous ai annoncé comme sujet : l'Asie Nouvelle; c'est un thème infini; je me contenterai donc de vous présenter deux cas qui me paraissent particulièrement intéressants pour l'étude de cette nouvelle Asie.

J'ai eu l'occasion, rare et appréciable dans la vie, de faire une comparaison à vingt-cinq années de distance. Exactement à l'intervalle d'un quart de siècle, j'ai pu repasser sur mes traces anciennes et parcourir un itinéraire que, pour la plus grande partie, j'avais déjà accompli.

J'ai visité assez sérieusement l'Inde, où j'ai passé une année; l'Indochine où l'aide du Gouvernement local m'a permis de visiter toutes les régions, sauf le Laos; la Chine, que j'ai vue depuis l'extrême sud et le centre, avec Pékin, jusqu'au nord; le Japon que j'ai eu le temps de voir assez bien, au moins comme professeur; j'ai vu les universités; d'autre part le Gouvernement japonais lui-même a bien voulu m'aider à visiter confortablement la Corée et la Mandchourie.

Enfin, le Gouvernement soviétique a consenti à m'accorder—à moi, le premier, si j'puis m'en enorgueillir—un passeport pour traverser la Sibérie et revenir par la Russie en m'arrêtant à Pétrograd où je désirais vivement reprendre le contact avec nos confrères qui ont accepté la dure vie de là-bas, avec toutes ses misères, et qui ne voient pas souvent paraître à l'horizon un message de réconfort.

Je ne peux pas prétendre faire tenir

(1) Conférence de M. SYLVAIN LÉVI à la Société de Géographie de Paris. Reproduite par *l'Éveil économique*.

## I

## Hai nhân-vật. — Hai sự-nghiệp

Tôi đã định đầu bài diễn-thuyết là : đất Á-châu mới; đầu bài to rộng vô cùng. Tôi chỉ xin bày cho các ngài hai phương-diện tôi xem ra hay hơn cả để quan-sát về cái Á-châu mới đó.

Tôi đã có dịp được xem đất Á-châu hai lần, so-sánh cách hai-mươi-lăm năm, đời người được có dịp như thế kể cũng là hiếm có và đáng qui. Hai-mươi-lăm năm trước tôi đã du-lich Á-châu, nay lại được trùng-du một lần nữa mà lại gần theo như cái hành-trình cũ.

Mới đây tôi qua Ấn-độ, xem-xét cũng khá kỹ, vì đã ở tới một năm; qua Ấn-độ-Chi-na (Đông-Pháp), nhờ Chính-phủ địa-phương giúp cho đi xem khắp cả mọi nơi, chỉ trừ có Ai-lao; qua Tàu, đi từ miền cực-nam và trung-bộ, qua Bắc-kinh cho tới miền bắc; qua Nhật-bản, có giảng-học ở trường Đại-học ít lâu, cũng đủ thi-giờ xem-xét được khá, như khảo-sát về các trường đại-học; lại được Chính-phủ Nhật có bụng tốt giúp cho được đi xem Cao-li và Mãn-châu tiện-lợi lắm.

Sau hết, được Chính-phủ Xô-viết nước Nga bằng lòng cho giấy thông-hành, — tôi là người được cái hân-hạnh ấy trước nhất, không biết có nên lấy làm tự-cao không, — để đi qua đất Tây-bá-lợi-á mà trở về Âu-châu qua nước Nga, dừng lại ở *Péetrograd*, có ý muốn thăm các bạn đồng-nghiệp ở bên ấy bấy lâu đã chịu làm-than khổ-sở biết đường nào mà không mấy khi được trông thấy kể bạn phương xa lại an-uy.

Trong hơn hai-mươi tháng du-lich

en une heure l'exposé des impressions recueillies pendant plus de vingt mois de voyage sur des terrains aussi divers.

En gros, je vous dis tout de suite que, dans cet Extrême-Orient qu'un vieux préjugé s'attache à nous dépeindre comme immuablement conservateur, j'ai trouvé des changements qui m'ont paru plus complets et plus graves que ceux que présente notre vieille Europe.

C'est une illusion commode que de se représenter chacun de ces États ou chacune de ces grandes civilisations vivant dans un isolement complet et sur ses propres ressources. De tout temps, les échanges ont été constants entre les hommes; si l'heure ne me pressait pas, j'aurais eu plaisir à vous montrer, au moins en raccourci, ce que l'histoire a déjà pu établir de ces échanges à travers le continent asiatique.

On peut dire que, de tous temps, par la terre et par la mer, l'homme a cherché l'homme et l'a atteint. Les raisons économiques le poussaient; les raisons intellectuelles, les raisons religieuses, les raisons de curiosité, tout y concourait.

Mais, pendant les longs siècles que couvre notre histoire humaine, ou bien ces contacts ont été brusques, de courte durée, aboutissant à une absorption lente; ou bien ils ont été individuels: quelques voyageurs, des caravanes, qui traversaient de vastes espaces, apportaient de vagues nouvelles, de lointaines informations et on s'en tenait là.

Le XIX<sup>e</sup> siècle, avec ses grandes transformations scientifiques et techniques, inaugure une histoire de l'humanité dont nous ne voyons que les premières convulsions et dont nous sommes loin d'entrevoir même le développement. Ces inventions, dont nous avons tout d'abord apprécié les avantages et les commodités, — chemins de fer, télégraphe, — ont rompu l'ancien équilibre établi par de longs siècles; et, pour retrouver son équilibre, le monde aura certainement beaucoup de peine.

đã làm nơi như thế, cảm-tưởng kẻ cũng nhiều, không thể trong khoảng một giờ nói cho hết được.

Cứ đại-khái thời xin nói ngay rằng cõi Á-Đông kia xưa nay vẫn xét làm cho là đất thủ-cư, đời đời bất-dịch, nay nghiệm ra thấy biến-đổi có lẽ nhiều hơn và sâu hơn là đất Âu-châu già cũ của ta.

Ta vẫn tưởng rằng các nước Á-châu, hay là nói cho rộng là các văn-minh lớn ở Á-châu, đều hoàn-toàn biệt-lập, tự-lực sinh-hoạt, không quan-hệ gì với ngoài, tưởng thế cũng tiện, nhưng là ảo-tưởng sai-lầm. Đời nào người ta cũng thường-thường giao-thông với nhau; giá có rộng thì-giờ hơn thì tôi có thể lược-thuật đề các ngài nghe cái lịch-sử những sự giao-dịch của các dân-tộc trên đại-lục Á-châu thế nào, tưởng cũng là một vấn-đề hay.

Có thể nói rằng tự cổ chí kim, dù đi đường đất hay đi đường biển, người vẫn hay đi tìm người và thường vẫn gặp nhau, vì nhiều lẽ: lẽ kinh-tế, lẽ học-thuật, lẽ tôn-giáo, lẽ hiếu-ký, lẽ gì cũng có.

Nhưng trong bao nhiêu thế-kỷ của lịch-sử loài người, những sự tiếp-xúc ấy hoặc là bạo-liệt, cấp-tốc, kết-quả đến hấp-hóa lẫn nhau; hoặc là thuộc về từng người riêng, như mấy kẻ du-lịch, mấy đoàn trảy buôn, đánh đường vượt bể, đem lại những tin phảng-phất về phương xa, có thể mà thôi.

Đến thế-kỷ thứ 19, khoa-học mở-mang, kỹ-nghệ tấn-tới, mở ra một cuộc lịch-sử mới trong loài người, ngày nay mới trông thấy buổi đầu biến-động, chưa biết sau này suy-diễn ra làm sao. Những sự chế-tạo mới, như hỏa-xa, điện-báo, ta chỉ mới biết là tiện-lợi cho ta, thật đã làm điên-đảo cả cái thế-quân-bình của mấy mươi đời trước; nay muốn phục lại sự quân-bình đó, thế-giới chắc cũng còn phải khó-khăn nhiều.

Dès maintenant, même sous le régime soviétique, Pékín n'est qu'à onze jours de Moscou, Bombay, toutes les semaines, est à quatorze jours de Marseille. Nous pouvons penser que bientôt, avec les avions, ces intervalles se raccourciront encore. D'immenses paquebots, des trains complets font à chaque instant circuler à travers le monde de véritables multitudes; les intérêts se nouent, se rapprochent; en même temps, des problèmes se posent.

Les problèmes, nous les entrevoyons ici; nous en avons de vagues échos dans notre presse, qui, comparée à la presse anglaise en particulier, nous laisse cruellement ignorants de ce qui se passe hors de France et un peu loin de l'Europe. Pourtant, ces problèmes sont — je n'exagère pas — angoissants.

A l'heure présente, — je regrette de le dire, mais le devoir de celui qui travaille est de déclarer franchement ce qu'il croit être la vérité, d'être, chaque fois qu'il prend la parole, une sorte de témoin qui dépose, — ce que nous voyons à distance en Orient, c'est l'écroulement de l'Europe.

Dès le début du XX<sup>e</sup> siècle, les symptômes se sont accumulés avec une rapidité foudroyante. Il me suffira de rappeler: en Chine la révolte des Boxeurs, mouvement nettement dirigé contre les Européens; dans l'Inde, le mouvement des congrès nationaux, qui a abouti à Gandhi, à ce qu'on a appelé le mouvement du *Svaraj*; dans le nord de l'Asie, la guerre russo-japonaise, dont la portée a été mesurée même chez nous et qui a abouti, opposant deux puissances, deux civilisations, deux croyances, deux ensembles nettement indépendants, au triomphe de l'Asie.

Sur cet événement déjà si grave, la guerre de 1914 est venue. Pour l'Asie, le fond de la question n'était pas clair et n'était pas intéressant. La lutte pour le sol natal, la lutte pour la liberté politique sont des idées qui ne peuvent guère

Ngay bây giờ, dầu thuộc Chinh-phủ Sô-viét cầm quyền nữa, tự Bắc-kinh đi sang Moscou cũng chỉ phải mười-một ngày. Mà tuần lễ nào cũng có tàu đi từ Bombay về Marseille mười bốn ngày. Có thể dự-trưởng sau này có tàu bay thì đường đất lại ngắn đi nữa. Những tàu biển lớn, những đoàn hỏa-xa dài, hằng ngày hằng giờ chạy khắp thế-giới, chở hàng vạn người; mỗi lợi-quyền liên-lạc với nhau, mà đồng-thời cũng khởi ra lắm vấn-dề khó giải.

Những vấn-dề ấy, ta ở đây cũng nghe thấy phảng-phất; các báo-chương của ta thỉnh-thoảng cũng thấy nói qua. Nhân nói về báo nước Pháp, thuộc về việc thế-giới báo-cáo ít quá, khiến ta mơ-hồ không biết gì đến thiên-hạ-sự, thật không bằng các báo Anh. Vậy mà những vấn-dề ấy rất là gian-nan mà quan-hệ, nói thế không phải nói quá vậy.

Tôi nói như sau này cũng lấy làm rầu lòng, nhưng cái nghĩa-vụ của người học-giả là thấy sự thực thế nào phải cứ thực mà nói, như kẻ chứng-nhân làm chứng vậy: hiện bây giờ cứ đứng ở Đông-phương mà xét thì thấy Âu-châu đương đổ-địa.

Ngay tự đầu thế-kỷ thứ 20, những cái triệu-trăm nó đã phát-hiện ra mau lắm. Chỉ nhắc qua cũng đủ nhớ: như ở Tàu thì loạn Quyên-phỉ, công-nhiên là phản-đối người Âu; ở Ấn-độ thì sự vận-động của các quốc-dân-hội-nghị, kết-quả đến ông GANDHI và cái phong-trào tự-trị (*svaraj*); ở phía bắc châu Á thì trận Nhật-Nga, ảnh-hưởng mãi đến tận bên Pháp ta, đem hai cường-quốc, hai văn-minh, hai tôn-giáo, hai đoàn-thể lớn đặc-biệt ra đối-trĩ nhau, kết-quả đến Á thắng Âu.

Xong cái việc đại-biến đó thời xảy ra cuộc đại-chiến năm 1914. Đối với Á-châu, cái căn-đề của vấn-dề chiến-tranh đó thật không được phân-minh cho lắm mà cũng không có thú-vị gì.

être comprises en Extrême-Orient qu'au Japon : car le Japon, — c'est un témoignage qu'il me tarde de lui rendre, — a fait, pour sauver sa liberté, pour conserver son indépendance, des sacrifices formidables, on peut dire qu'il a sacrifié jusqu'à sa civilisation.

J'avoue que je ne sais pas si c'est un sentiment d'admiration ou un sentiment de tristesse qui me prend lorsque je songe à ces énormes *buildings* à l'américaine élevés en plein Tokio à côté de ces temples délicats, de ces merveilles d'art fin et subtil que sont, par exemple, les temples de Uéno ou de Shiba.

Au Japon on a donc pu comprendre et aussi dans ce petit coin de montagne où je vous conduirai tout à l'heure, au Népal où vraiment l'amour de la patrie a le sens précis que nous lui attachons. Il n'en est pas de même, — il faut le reconnaître, — pour le reste de l'Asie.

Ce qu'on a vu de loin, ce sont les massacres, les dévastations, les ravages. Ce qu'on a aperçu, c'est l'œuvre redoutable qui s'est accomplie partout sous la désignation, également redoutable, de propagande. Chacun des adversaires ou des groupes d'adversaires a répandu sur celui qu'il combattait des accusations, des insinuations souvent justes, quelquefois aussi passionnées et qui chatouillaient agréablement les oreilles asiatiques.

Depuis longtemps, l'Asie souffrait de la domination, du joug européen ; c'était plaisir, pour elle, de voir les Européens dénigrés, abattus par eux-mêmes. Il y avait d'autant plus de plaisir que le profit s'y joignait. Auparavant, on assistait à ce spectacle démoralisant d'une industrie naissante qui était lourdement comprimée par la concurrence européenne et qui n'avait pas l'occasion d'éclorre ni dans l'Inde, ni au Japon. Soudainement, cette industrie est sortie de terre ; elle a trouvé le champ largement ouvert devant elle et elle en a profité. En som-

Đánh để giữ đất nước nhà, tranh để lấy quyền chính-trị, ở Á-châu trừ có nước Nhật-bản, còn cũng không ai hiểu là chuyện chi, vì nước Nhật-bản, — công này cũng phải khen cho nước ấy, — đã hi-sinh mất nhiều lắm mới giữ được quyền độc-lập của mình, có thể nói là đã hi-sinh đến cả văn-minh của mình vậy.

Tôi xin thú thật với các ngài rằng mỗi lần tôi nghĩ đến những cái kiêu nhà thương-quản theo lối Mỹ, dựng ở thành Đông-kinh ngay cạnh những đền *Uéno* hay đền *Shiba* kiến-trúc tinh-xảo biết đường nào, trong bụng lấy làm phân-vân, không biết nên mừng hay nên buồn cho người Nhật.

Vậy thời việc chiến-tranh Áu-châu, duy có ở Nhật-bản mới hiểu cái chân-tướng, và ở một nước nhỏ nữa, trong núi xa kia, lát nữa tôi sẽ đưa các ngài đến chơi, tức là nước *Népal*, ở đấy họ thật là có cái lòng ái-quốc thiết-thực như ta. Còn các nơi khác ở Á-châu thì phải chịu rằng họ không hiểu là gì cả.

Họ đứng xa mà xét thì chỉ thấy một cuộc phá-hoại sát-lục lẫn nhau. Họ phăng-phất mà biết là chỉ biết cái sự tuyên-truyền cổ-động dữ-dội ghê-gớm là đường nào. Mỗi bên thù nhau hay mỗi phe cừu-địch, tố-cáo và kể tội bên kia hay phe kia, nhiều khi nói cũng đúng, nhưng có khi nói cũng thiên, khiến người Á-châu nghe cũng lấy làm vui tai.

Vì Á-châu lâu nay vẫn chịu cái quyền thống-ngự, cái ách nặng-nề của Áu-châu ; nay thấy người Âu nói xấu nhau, đánh lẫn nhau, kẻ cũng thích. Đã thích lại có lợi nữa, thì lại càng khoái lắm. Trước kia thời ở Ấn-độ cũng như ở Nhật-bản, bày ra một cái cảnh nguy-ngập, là công-nghệ trong nước mới nhóm lên mà bị đồ hàng Áu-châu cạnh-tranh dữ quá không thể nào phát-đát lên được. Chợt công-nghệ ấy được dịp tự-do nảy-nở ra, được trông thấy cái

me, la guerre a été, et au point de vue économique et au point de vue moral, l'âge d'or de l'Orient.

La leçon est terrible. L'Orient est porté à se demander si, après tout, le malheur de l'Europe n'a pas été le bonheur de l'Asie.

Puis, sinon la paix, du moins le lendemain de la guerre est venu, apportant encore des troubles plus graves. Une crise économique, beaucoup plus lourde que celle dont nous avons souffert, s'est abattue sur ces pays lointains, crise dont la solution ne s'entrevoit même pas encore aujourd'hui,

Cette industrie, si soudainement créée et brusquement si florissante, avait arraché au sol, pour ses besoins, toute une population qui, de paysanne, était devenue ouvrière, qui d'agricole était devenue urbaine et qui n'a plus voulu retourner au champ natal; cette population entend jouir des avantages de la vie qu'elle n'avait pas connus jusque-là: elle entend conserver les salaires supérieurs qu'elle a obtenus à ce moment.

Aussi, partout, que ce soit dans l'Inde, en Chine, au Japon, où on en parle peu et où pourtant des convulsions qui ne sont pas moins graves que les convulsions volcaniques agitent fortement le sol, partout la révolution économique frémit et frissonne.

Puis, de toutes les souffrances ajoutées aux bénéfices de la guerre sort un ferment de haine. Voilà que l'Europe, en se pacifiant, apporte encore une fois le malheur de l'Orient.

De tous ces sentiments combinés est sortie une véritable horreur de la civilisation européenne, qui n'aime pas à s'exprimer devant les Occidentaux, pour toutes sortes de sentiments, par politesse,

tiên-dồ rộng mở ở trước mắt, liền thừa-cơ lợi-dụng. Nói tóm lại thời về đường kinh-tế cũng như về đường tinh-thần, hồi chiến-tranh là một «hoàng-kim-thời-dại» cho Đông-phương.

Cái bài học kể cũng dich-dáng. Đông-phương trông thấy cơ-sự như thế bèn tự hỏi rằng: cái họa cho Âu-châu biết đâu chẳng phải là cái phúc cho Á-châu?

Hết cuộc chiến đến cuộc hòa, — không biết có thể gọi được là cuộc hòa, hay là còn mới là buổi chiến-tranh-chí-hậu đó mà thôi, — cái tình-thế lại bối-rối hơn nữa. Những xứ viễn-phương kia chợt bày ra một cái tình-trạng khủng-hoảng về kinh-tế, nguy hơn là cái tình-trạng của Âu-châu nhiều, mà hiện nay cũng còn chưa tìm thấy cách giải-quyết ra làm sao.

Cái công-nghệ kia đột-khởi lên, đột thịnh-hành như thế, đã làm cho cả một bàn dân bỏ nhà quê ra kẻ chợ, bỏ nghề nông theo làm thợ, rồi không muốn quay về quê nữa; bọn dân đó muốn hưởng cái thú sinh-hoạt từ trước chưa được biết, muốn giữ lấy những công cao đã được hưởng.

Bởi thế nên ở khắp mọi nơi, ở Ấn-độ, ở Tàu, ở Nhật, — ở Nhật thì thấy nói đến ít nhưng sự dao-động cũng mạnh và cũng dữ chẳng kém gì động đất, — đâu đâu cái phong-trào cách-mệnh kinh-tế cũng thấy rung-động và lay-chuyển cả.

Rồi những cái khổ ấy cùng với cái lợi về chiến-tranh, gây ra những mầm ghen-ghét. — Thành ra Âu-châu được yên lại đem cái vạ cho Á-châu một lần nữa.

Bấy nhiêu mối tình-cảm giao-tập lại gây ra một cái lòng ố-ky cái văn-minh của Âu-châu, lòng ố-ky ấy không có biểu-lộ ra ở trước người Tây, vì nhiều cơ

par réserve, par prudence, mais qui, pour ne pas s'exprimer librement, n'en est pas moins facile à découvrir et à retrouver et que, dans l'intimité, on peut aisément recueillir.

Mes paroles peuvent sembler amères ; mais, j'espère que, tout à l'heure, je vous apporterai quelque réconfort.

De cet état d'esprit, je ne vois, c'est l'expérience de mon voyage, que trois bénéficiaires. Tout d'abord, incontestablement les Soviets.

Quelle que soit leur inspiration et la valeur de leurs théories politiques qui ne nous intéressent pas en ce moment, je me place du point de vue oriental et je vous apporte l'impression recueillie en Orient — les Soviets, vus de l'Orient, c'est assez piquant pour une doctrine qui se réclame du marxisme et qui a des origines germaniques, — apparaissent comme une réaction asiatique contre la civilisation européenne ; et j'ai bien peur que l'Orient ait plus raison que l'Occident dans son appréciation. On salue et on aime les Soviets moins pour ce qu'ils apportent que pour ce qu'ils détruisent ; on voit en eux le facteur qui humiliera, qui écrasera les maîtres qui ont si longtemps fait souffrir.

Le second bénéficiaire, — je regrette de le dire, car je parle d'un pays pour lequel nous avons une très vive sympathie, — est l'Amérique.

L'Amérique représente pour l'Orient tout le fruit de la civilisation européenne, sa culture, sa technique, sa force spirituelle et sa force matérielle ; et l'Amérique n'a pas à porter le poids lourd du passé de l'Europe ; elle a les mains nettes.

Enfin le troisième bénéficiaire, qui n'est peut-être pas inattendu pour vous,

vi l'ê-phép, vì giữ-gìn, vì cần-thần, nhưng tuy không phát-biểu ra rõ-ràng mà cũng dễ nhận biết, và khi chuyện-trò thân-mật cũng dễ chứng-nghiệm ngay được.

Lời tôi nói đây dễ không khỏi có cái vị chua cay, nhưng tôi mong rằng lát nữa, sẽ có lời vui-vẻ phấn-phát hơn.

Tôi suy-nghiệm ra trong khi du-lich, cái tình-trạng như thế chỉ có ba nước được lợi. Trước hết, quyết hẳn là Chính-phủ Xô-viết nước Nga.

Chính-kiến của bọn đó hay dở thế nào, ta không bàn ở đây làm gì, tôi chỉ đứng về phương-diện Đông-phương và thuật lại cái cảm-trởng của tôi khi ở Đông-phương. Cứ con mắt Đông-phương mà xét, — điều này cũng là một sự kỳ, vì cái chủ-nghĩa quá-khích tự xưng là nguyên-do ở học-thuyết ông MARX và gốc-tích ở nước Đức mà ra, — thì Xô-viết tựa như một sự vận-dộng của Á-châu để phản-đối lại cái văn-minh của Tây-phương ; mà tôi e rằng Đông-phương có lẽ xét đúng hơn Tây-phương. Đông-phương hoan-ngheh đảng Xô-viết không phải vì cái công giúp-dập của bọn đó mà chính là vì cái công phá-hoại của bọn đó ; cho bọn đó là cái động-lực để sau này làm cho tỏa-chiết, cho khuất-nhục những kẻ làm thầy mình đã bắt mình chịu khổ trong bấy lâu.

Nước thứ nhì được lợi vào đây là nước Mĩ, tôi nói thế cũng lấy làm rầu lòng, vì nước Mĩ là một nước chúng ta đều có cảm-tình sâu.

Đối với Đông-phương thì nước Mĩ là gồm cả cái kết-quả của văn-minh Thái-Tây về đường văn-hóa, về đường nghệ-thuật, về đường vật-chất cũng như về đường tinh-thần ; mà nước Mĩ lại không phải mang nặng cái gánh lịch-sử như Âu-châu ; nước Mĩ có cái thái-độ ung-dung hơn cả.

Sau hết, nước thứ ba có lợi vào đây, có lẽ các ngài cũng đã đoán ra rồi, và

ayons le courage de la déclarer, c'est l'Allemagne; en enlevant à l'Allemagne ses colonies, on l'a sanctifiée devant l'Orient. La France, l'Angleterre ont encore des sujets, du point de vue oriental, des esclaves. L'Allemagne n'en a plus et elle apparait innocente.

C'est un spectacle de décomposition que je mets sous vos yeux; mais je dois vous l'offrir. Si je voulais en montrer le cas le plus saisissant, je vous retiendrais ce soir, pendant tout cet entretien, dans la Chine. C'est un spectacle à faire pleurer que de voir un grand empire, une grande civilisation qui a, derrière elle, un admirable passé, sombrer, se volatiliser à tel point qu'il semble que dans quelques années il n'en restera plus rien; je ne crois pas que l'histoire offre un spectacle plus mélancolique.

Mais ce n'est pas pour insister sur ces pensées de mélancolie que nous sommes réunis ce soir. Nous voulons vivre, nous voulons trouver des raisons d'agir et nous les trouverons sans aller trop loin.

Partout, dans tous les pays où j'ai passé, j'ai trouvé de ces hommes qui font aimer l'homme et qui font aimer l'avenir parce qu'on est sûr qu'en depit de tout, grâce à eux et à ceux qui les suivront, l'avenir sera bon.

Parmi ceux que j'ai rencontrés, deux m'ont paru plus particulièrement intéressants; deux types très divers, du reste; l'un est un poète et un éducateur; l'autre est le chef d'un petit Etat isolé dans l'Himalaya. Il m'a semblé que le contraste de ces deux figures empruntées à des mondes si différents pourrait apporter cette leçon de confiance que j'espère pouvoir vous donner.

SYLVAIN LÉVI (1)

(à suivre)

ta cũng phải có sức can-dảm mà nói, chính là nước Đức; các nước lấy mất thuộc-địa của Đức, thế là làm cho Đức có danh-giá với Đông-phương. Pháp, Anh hiện còn có thuộc-dân, về phương-diện Đông-phương thì tức là nô-lệ, Đức thời không có, tức là không có trách-cửu gì với Đông-phương.

Cái cảnh-tượng tôi bày cho các ngài đó, là một cái cảnh-tượng đời-bại, nhưng tôi không thể không bày để các ngài xem. Vì tôi muốn bày rõ cái trạng-thái hiển-nhiên nhất của cái cảnh đời-bại đó thời cả cuộc nói chuyện hôm nay tôi chỉ xin nói về nước Tàu. Trông thấy một cái vĩ-đại-đế-quốc, một cái vĩ-đại-văn-minh, đã từng có một nền lịch-sử vẻ-vang, mà đổ sụp, mà tiêu-tán đi đến thế, trông chừng chỉ mấy năm rồi không còn tí gì nữa, thật là một cái cảnh-tượng đáng chảy nước mắt ra khóc được; tôi tưởng trong lịch-sử thế-giới không có cái cảnh nào buồn bằng.

Nhưng chúng ta họp mặt chiều hôm nay không phải là để nói những chuyện buồn đó. Ta quyết muốn sinh-hoạt, quyết muốn tìm lấy những lẽ để hành-động ở đời, mà không phải tìm đâu xa cũng có thể thấy ngay được.

Tôi đi đến đâu tôi cũng gặp được những người làm cho ta yêu-mến loài người, làm cho ta yêu-mến sự tương-lai, vì chắc rằng dù thế-sự thăng-trầm thế nào mặc lòng, nhờ có những người ấy cùng những kẻ kế-tiếp về sau, cuộc tương-lai sẽ được tốt lành.

Trong những nhân-vật tôi được gặp thì có hai người tôi cho làm hay hơn cả, hai người rất khác nhau: một người là nhà làm thơ và nhà giáo-dục, một người là chủ một nước nhỏ lạc ở trong dãy Hí-mã-lạp-son. Tôi mong rằng đem so-sánh hai nhân-vật thuộc về hai thế-giới khác nhau như thế cũng đủ cống-hiến được cho ta một bài thuốc hi-vọng ở giữa buổi đời bối-rối này.

(Còn nữa)

(1) Conférence faite le 8 février 1924 à la Société de Géographie de Paris, par M. SYLVAIN LÉVI, professeur au Collège de France. (Reproduite dans *l'Éveil économique de l'Indochine*, décembre 1924.)

## Le Problème de l'Enseignement

...Un grand Français qui vit dans ce problème depuis trente ans, d'Extrême-Orient au Maroc, et qui s'est passionné à le résoudre avec des angoisses de conscience, des tâtonnements, des variations, qui en prouvent assez l'extrême difficulté, le maréchal Lyautey, me dit : « Je crois avoir trouvé la bonne formule pour ce qui concerne le Maroc seul, mais il y en a certes cinquante autres pour les cas différents, car il n'y a en rien et nulle part de formule uniforme et rigide. Le danger saute aux yeux, c'est de créer une espèce de jeunes gens déclassés, incompris, mécontents, mégalomanes d'ailleurs et se croyant capables de tout avaler, recrutés assurés pour les mouvements de récrimination, d'opposition, voire de révolution... »

Comment approprierions-nous l'enseignement occidental à nos élèves orientaux, de telle manière qu'au sortir de nos collèges ils restent commerçants, propriétaires, fonctionnaires au milieu des leurs et, grâce à la langue et à la culture, de moins en moins séparés de nous ? Comment formerons-nous une élite intellectuelle avec qui nous pourrions travailler, des Orientaux qui ne soient pas déracinés, qui continuent d'évoluer dans leur norme, qui restent pénétrés de leurs traditions familiales, et qui forment ainsi un trait d'union entre nous et la masse indigène ? Comment créerons-nous des parentés en vue de préparer les accords et les ententes qui sont la forme souhaitable de notre future politique ? Il s'agit de susciter dans ces peuples étrangers le goût de maintenir, *quoi qu'il advienne un jour de leurs destinées nationales*, le contact avec notre intelligence.

MAURICE BARRÈS

(Une enquête aux Pays du Levant)

## Vấn-đề giáo-dục

...Một người Pháp có danh-giá lớn đã băn-khoăn trong cái vấn-đề ấy từ ba-mươi năm nay, từ cõi Đông-Á cho đến Ma-lặc-kha, và đã đem hết tâm-trí ra để giải-quyết cho được, cũng đã từng khổ tâm nhọc trí, do-dự trừ-trừ mãi, dù biết vấn-đề khó-khăn là đường nào, tức là Thống-chế LYAUTEY, có bảo tôi rằng : « Tôi tưởng tôi đã tìm được một cái qui-thức thích-đáng cho Ma-lặc-kha, cho Ma-lặc-kha mà thôi, không dám nói nơi khác, vì mỗi nơi phải một qui-thức khác nhau, không cái nào là phổ-thông nhất-định được. Trong việc giáo-dục người Đông-phương, có một cái nguy-hiểm hiển-nhiên ai cũng biết, là gây ra một hạng người dở-dang, tưởng mình có tài-cán mà không ai biết, thành phần chỉ, lại mơ-màng những sự to-tát quá, muốn những thế nọ thế kia, chỉ là cái mầm phản-đối, cái mầm họa-loạn, cái mầm cách-mệnh về sau này... »

Vậy thời ta phải làm thế nào cho tây-học thích-hợp với bọn học-trò Đông-phương của ta, để cho khi tốt-nghiệp ở các trường ta ra, hoặc là đi buôn, hoặc là làm giàu hay là làm quan, họ vẫn cứ sinh-trưởng trong cái hoàn-cách của họ, chỉ nhờ biết tiếng ta và học của ta thời không đến nỗi xa cách ta lắm mà thôi ? Làm thế nào cho gây được một hạng thượng-lưu-tri-thức có thể cùng ta đề-huê được, không đến nỗi mất cái căn-cốt của giống mình, vẫn cứ tiến-hóa trong phạm-vi của mình, vẫn tiêm-nhiễm những phong-thói trong gia-đình của mình, và làm như cái giấy liên-lạc chúng ta với nhất-ban nhân-dân trong bản-xứ ? Ta phải làm thế nào mà gây lấy cái cảm-tình sẵn đề dự - bị lấy sự điều-hòa thích-hợp, là cái chính-sách đương-nhiên của ta về sau này ? Ta phải làm thế nào cho những dân-tộc phương xa đó, *dù sau này cái vận-mệnh quốc-gia họ thay đổi thế nào mặc lòng*, cũng vẫn không đến nỗi đoạn-tuyệt quan-hệ với phần tinh-thần của ta.

## Littérature et journalisme

Tous les jours, de cinq heures du soir au dîner, l'antichambre était occupée par une troupe de jeunes écrivains qui avaient mis résolument le siège devant le bureau de Charles Morice, lequel, sans se lasser, acceptait des poèmes, des chroniques, des contes, des romans, que notre rédacteur en chef, Etienne Chichet, était d'ailleurs bien décidé à ne publier jamais. Parfois, un de ces débutants, riche seulement d'espoir, ce qui ne suffit pas pour payer le terme, insistait pour être attaché à la rédaction du journal et comme on ne pouvait raisonnablement l'engager comme rimeur à la semaine, on aiguillait cet imprudent sur le service du reportage, si bien qu'ayant gravi les trois étages comme poète, il les redescendait fait-diversier.

Ainsi passe la gloire du monde...

Près de la porte d'entrée, dans une petite pièce jamais balayée, Guillaume Apollinaire écrivait un article, son masque volontairement grave égayé malgré lui par la malice de ses petits yeux et le pli d'ironie de ses lèvres gourmandes.

Dans son bureau tout tapissé de photos d'artistes, Charles Méré tempêtait — pour rien, pour le plaisir — tandis que Régis Gignoux le regardait, narquois, sa courte pipe plantée dans sa barbe drue. Dans le bureau voisin, l'ancien normalien François-Albert, mal ficelé dans son éternelle jaquette, révisait la copie, avec la tentation souvent d'inscrire en marge un beau zéro, moins peut-être sur le « papier » du petit reporter que sur le galimatias d'un discoureur de la Closerie.

Dans les salles voisines, on retrouvait chaque soir le doux Alain Fournier et Olivier Hourcade, Georges Le Cardonnell, Henri Massis, André Salmon, Gaston Picard, Henry Jacques, André Warnod, tant d'autres. . .

C'était cela la rédaction de *Paris-Journal* en 1912.

Un peu plus tard, je me retrouve à l'*Homme Libre* que venait de fonder Clémenceau, et là je rencontre Charles Müller et Adrien Bertrand, tous deux tués à la guerre, et puis André Billy, que notre génération saluait déjà comme son premier critique, Jean Pellerin, qui nous était si cher, Francis Carco, par moi promu critique d'art.

Vous les connaissez tous, ces noms-là... A cette époque, ils étaient moins célèbres, totalement inconnus même pour la plupart. L'un, pour gagner sa vie, faisait du reportage, l'autre le comptendu de la Chambre, celui-ci du secrétariat de rédaction et celui-là les échos.

— Plut !... des journalistes, soufflera un de ces grimauds pour qui la prose imprimée en pleine page et sur grande largeur, est nécessairement supérieure à celle qu'on tire en colonnes, sur des feuilles volantes.

Eh ! bien, oui, des journalistes, et quand je pense à ces journalistes-là — hein ! Béraud ? — la prétention du quarteron de buveurs d'encre qui cherchent à dresser une muraille hérissée de culs-de-bouteille entre la littérature et le journalisme me fait rire un bon moment.

Je vois encore François-Albert, dont nous aimions tant le ferme caractère et le pétillant esprit, raturer leurs manuscrits à grands coups de crayon bleu.

— Si seulement ils se contentaient d'écrire des faits-divers, se désolait-il, du moins, cela se déchire, tandis que leurs livres, ça reste...

— Oh ! si peu, mon cher ministre, si peu. . .

Si j'ai retrouvé ces souvenirs dans un coin de ma mémoire où je ne fouille plus guère, c'est pour avoir lu le *Monde des Journaux*, tableau de la presse française contemporaine, que viennent de faire paraître mes amis André Billy et Jean Piot.

On connaît mal le journalisme dans le public, car l'assortiment d'idées toutes faites sur le polémiste qui vit de chantages, le critique influent qui attire les jeunes filles du Conservatoire en cabinet particulier et le petit reporter illettré mais débrouillard, qui écrit sans broncher que « la malheureuse se jeta sous les pas d'un auto-taxi » ou que « l'étoile en herbe a chanté de main de maître » ne peut vraiment pas tenir lieu d'opinion.

Deux forces, à notre époque, règnent sur le monde : la finance et la presse, et l'on ne sait à peu près rien d'elles.

Qu'avez-vous pu lire sur le journalisme ? Les *Diurnales* de Marcel Schwob et quelques chapitres de *Bel Ami*, aujourd'hui bien démodés, une mordante petite

étude de Robert de Jouvenel, le *Journalisme en vingt leçons*, un roman trop peu connu de Paul Brulat, la *Faiseuse de Gloire* : je crois bien que c'est tout.

Ce n'est pas assez. Une telle puissance mérite qu'on l'étudie de plus près.

« La justice sans la force est impuissante », disait Pascal. Il pourrait écrire aujourd'hui : « La finance sans la presse ne peut rien », et ces deux maîtres, qui nous mènent, les yeux bandés, vers des fins inconnues, sont plus ignorés de la multitude que le pharaon ne l'était de son peuple.

Quelque jour un romancier qui ignorera tout de la banque et n'aura jamais dépassé, dans un journal, le guichet des abonnements — « A bas la vraisemblance ! » nous crient les *purs* — un romancier consciencieux, donc, nous blâmera un ouvrage sur le monde de la presse, et si le livre a du succès (il faut s'attendre au pire) cela mettra en circulation un nouveau stock de lieux communs où s'approvisionneront les badauds pendant vingt ans.

Je conseille vivement à ce confrère inconnu — car il viendra, le drôle ! — de lire, pour se documenter, le *Monde des Journaux*. On n'a rien publié sur la matière d'aussi juste, d'aussi clair, d'aussi complet.

Le journal y vit vraiment : le voici qui s'élabore dans l'esprit du « patron » ou du chef de service, puis qui se réalise avec le reporter qui galope dans Paris, l'envoyé spécial qui piétine au télégraphe, le rédacteur parlementaire encaqué dans la petite tribune de la Chambre, le chroniqueur judiciaire qui joue des coudes sur les banquettes de la Cour d'assises. Maintenant, voici le secrétaire de rédaction qui brassant tout cela, lisant, collant, coupant, donne sa forme au journal, puis la linotype appliquée choisit ses lettres, entasse ses lignes, la « forme » quitte le « marbre », le « flan » descend à la fonderie où l'on souffoque dans une buée de plomb, la rotative se met en route, avec son bourdonnement de grosse guêpe, la feuille humide sort des presses... Donnez vos trois sous, monsieur, votre journal est sorti.

Il ne suffisait pas, pour écrire ce livre, de connaître parfaitement le journalisme

moderne et tout son mécanisme compliqué, de l'administration aux différentes rubriques, de l'imprimerie aux agences, il fallait encore le don d'observation de deux esprits cultivés, il fallait être capable d'étudier, nerf par nerf, ce corps étrange aux mille cellules et de discerner ses rapports profonds avec le reste de la société. Il fallait en un mot faire œuvre de journaliste et d'écrivain...

— Pardon, m'interrompt André Billy (je crois le voir, l'œil sévère derrière ses lunettes rondes, ces larges lunettes d'écaille qui m'en imposaient tellement autrefois). Je trouve bien artificielle, cette opposition du journalisme et de la littérature à laquelle on s'est complu de divers côtés ces derniers temps. Si l'art du conteur et du romancier consiste à donner l'illusion de la vie par le moyen de mots assemblés, tout bon reporter a en lui l'étoffe d'un bon conteur ».

Et Jean Piot, le grand et mince Jean Piot, tout d'ardeur et de générosité, intervient à son tour, agitant ses longs bras.

— Vous vous offensez des facilités et des négligences en journalisme, mais parlez-nous donc des romans sans style, sans vérité, sans esprit qui paraissent chaque mois par douzaines...

— Savez-vous qu'à cinq heures du soir, toutes les salles de rédaction sont vides, que pas une ligne de copie n'est écrite et qu'à huit heures les derniers feuillets doivent être descendus à l'imprimerie ? Et croyez-vous qu'avec ce système nous ayons le loisir de choisir nos épithètes et d'éviter les répétitions. E cousez-moi, cher ami, je voudrais bien vous y voir...

— Rappelez-vous X... à qui a été discerné un des trois ou quatre prix littéraires les plus importants. Eh ! bien, il avait été renvoyé d'un journal comme incapable de rédiger un fait-divers correctement (1).

Ces phrases, je les détache d'un entretien — malicieux et substantiel comme un dialogue de Gourmont — qui sert de conclusion au *Monde des journaux* et jamais ce singulier débat sur les rapports de la littérature et du journalisme ne fut plus intelligemment exposé que dans ces quelques pages. Plus d'un faquin de l'écrivoire pourrait en faire son profit.

Croyez-moi, il faut à un jeune journa-

(1) Rigoureusement exact.

liste une rare ténacité, un amour bien profond des Lettres et aussi un bel orgueil pour ne pas se laisser entraîner par la routine de la besogne quotidienne et poursuivre, malgré tout, son œuvre personnelle. Beaucoup se découragent, de nombreux échouent, quelques-uns seuls triomphent...

A ceux-ci, les écrivains venus aux Lettres avec des rentes et les indigents de vocation qui préfèrent la médiocrité au travail peuvent tirer bien bas leur chapeau.

Roland DORGELES

(Des *Nouvelles littéraires*,

reproduit par le *Courrier d'Haiphong*).

## Morceaux choisis français

### Traduits en Annamite

(Dịch thơ văn Tây)

#### Le lac

Ainsi toujours poussés vers de  
nouveaux rivages,  
Dans une nuit éternelle emportés  
sans retour,  
Ne pourrons-nous jamais, sur l'océan  
des âges,  
Jeter l'ancre un seul jour ?

O lac ! l'année à peine a fini sa carrière,  
Et près des flots chéris qu'elle devait  
revoir,  
Regarde ! je viens seul m'asseoir sur  
cette pierre,  
Où tu la vis s'asseoir !

Tu mugissais ainsi sous ces roches  
profondes,  
Ainsi tu te brisais sur leurs flancs  
déchirés,  
Ainsi le vent jetait l'écumée de tes  
ondes

Sur ses pieds adorés.

Un soir, t'en souvient-il ? nous vo-  
guions en silence,  
On n'entend au loin, sur l'onde et  
sous les cieux,  
Que les bruits des rameurs qui frap-  
paient en cadence  
Tes flots harmonieux.

Tout à coup des accents inconnus à  
la terre

Du rivage charmé frappèrent les  
échos,  
Le flot fut attentif, et la voix qui m'est  
chère

Laisa tomber ces mots :

#### Cái hồ

Thôi bờ nọ đến bờ kia,  
Giật vào đêm tối đi về đước sao ?  
Tuổi xanh cuộn-cuộn sóng dào,  
Khách xuân xanh dễ cầm sào một phen ?

Này hồ ! nhớ lúc hết năm,  
Cùng ai trên sóng mấy lần giông chơi.  
Giông chơi trước có hai người,  
Này trông tảng đá ta ngồi một thân !  
Tiếng hồ sóng đánh mấy hồi,

Nước hồ tan trước lưng đồi hiềm sâu.  
Ba-đào vỗ suốt đêm thâu,  
Gió đưa bọt sóng nhuộm màu gót sen.

Hỏi hồ còn nhớ chuyện xưa ?  
Đêm khuya thanh vắng thuyền đưa  
thuận dòng.

Dưới trời mây tĩnh nước trong,  
Tiếng bơi gặt sóng nào-nùng xa nghe.

Thoát thôi mấy tiếng lạ-lùng,  
Quanh hồ giọng thổi vang-lùng bên tiên.  
Sóng im nghe tiếng bạn hiền,  
Đêm thanh thổ-thể ước nguyện mấy câu:

« O temps, suspends ton vol et vous,  
 heures propices,  
 Suspendez votre cours !  
 Laissons-nous savourer les rapides  
 délices  
 Des plus beaux de nos jours !

« Assez de malheureux ioi-bas nous  
 implorant,  
 Coulez, coulez pour eux :  
 Prenez avec leurs jours les soins qui  
 les dévorent,  
 Oubliez les heureux.

« Mais je demande en vain quelques  
 moments encore,  
 Le temps m'échappe et fuit :  
 Je dis à cette nuit : « Sois plus lente »,  
 et l'aurore  
 Va dissiper la nuit.

« Aimons-donc, Aimons-donc ! de  
 l'heure fugitive,  
 Hâtons-nous jouissons !  
 L'homme n'a point de port, le temps  
 n'a point de rive,  
 Il coule et nous passons. »

Temps jaloux, se peut-il que ces  
 moments d'ivresse, de bonheur,  
 Où l'amour à longs flots nous verse,  
 S'envolent loin de nous de la même  
 vitesse  
 Que les jours de malheur ?

Hé quoi ! n'en pourrons-nous fixer  
 au moins la trace ?  
 Quoi ! passés pour jamais ? quoi !  
 tout entiers perdus ?  
 Ce temps qui les donne, ce temps qui  
 les efface,  
 Ne nous les rendra plus ?

Eternité, néant, passé, sombre abîme,  
 Que faites-vous des jours que vous  
 engloutissez ?  
 Parlez : nous rendrez-vous ces exta-  
 ses sublimes,  
 Que vous nous ravissez !

O lac ! rochers muets, grottes, forêts  
 obscures,  
 Vous que le temps épargne et qu'il  
 peut rajeunir,  
 Gardez de cette nuit, gardez, belle  
 nature,  
 Au moins le souvenir.

Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit  
 dans tes orages,  
 Beaulac, et dans l'aspect de tes riants  
 coteaux

« Thì-giờ hãy chậm xa bay,  
 Ên vàng hãy gác thảng ngày thoi đưa.  
 Để ta hưởng chút hương thừa,  
 Cuộc vui ngắn-ngủi lúc vừa xuân xanh.

« Kia người nằng dãi mưa dàu,  
 Nhờ ai đưa khỏi qua cầu trâm-luân.  
 Sá chi những bạc nhân-nhân,  
 Ai ơi ! thương đến chút thân lạc-loài.

« Lòng thơ ước một đôi hồi,  
 Hay đâu thảng chẩy ngày trôi bao giờ.  
 Ước đêm, đêm chẳng đợi chờ,  
 Vừng đông dấu đã mập-mờ bên non.

« Ai ơi ! chơi lấy kéo già,  
 Giờ vàng yêu lấy kéo mà giờ qua.  
 Không bờ ngày thảng lân-la,  
 Khách tình không bến xông-pha giữa  
 vôi. »

Ngày xanh ghen với má hồng,  
 Những phen mê-mẩn trong vòng truy-  
 hoan.

Cớ sao ngắn-ngủi muôn vàn,  
 Ngắn hơn những lúc hoa tàn cuối xuân.

Tiếc thay những cuộc xum-vầy,  
 Đã qua qua mất cả ngày tái-sinh.  
 Hững-hờ chi mấy ngày xanh,  
 Bày bày, xóa xóa, vô-tình cùng ai ?

Vô-cùng bề thăm vực sâu,  
 Ngày xuân ai đã bấy lâu rập vùi ?  
 Rồi ra lại trả cho người,  
 Hay rằng xuân đã qua thời thời thời ?

Này đời, này đá, này non,  
 Hãy còn ngày thảng hãy còn xuân xanh.

Dám xin phong-cảnh hữu-tình,  
 Nhớ cho câu chuyện đêm thanh chôi hồ.

Quanh hồ dấu tích xa gần,  
 Trong cơn bình-tĩnh hay tuần phong-ba.

Et dans ces noirs sapins, et dans ces  
rocs sauvages,  
Qui pendent sur tes eaux.

Qu'il soit dans le zéphyr qui frémit et  
qui passe  
Dans les bruits de tes bords par tes,  
bords répétés  
Dans l'astre au front d'argent qui  
blanchit ta surface  
De ses molles clartés.

Que le vent qui gémit, le roseau qui  
souple,  
Que les parfums légers de ton air  
embaumé,  
Que tout ce qu'on voit, l'on entend et  
l'on respire,  
Tout dise : « Ils ont aimé ! ».

LAMARTINE

Trong vùng dặm cỏ đồi hoa,  
Đá gieo mặt nước thung xòá bóng cây.

Trong cơn gió thổi hắt-hiu,  
Tiếng vang bờ nọ dập-diu bên kia.

Hay còn trong mảnh trăng thề,  
Long-lanh mặt nước, lập-lòe bóng ngân.

Kìa gió thổi, nọ lau than,  
Mùi trầm phảng-phất, mùi nhang ngạt-  
ngào.

Bên tai mấy tiếng thì-thào,  
Rằng : « Yêu nhau đã trải bao ái-tình ! »

PHAN QUỐC-TUỆY dịch

### Le Renard et le Bouc

Capitaine Renard allait de compagnie,  
Avec son ami Bouc des plus haut encornés :  
Celui-ci ne voyait pas plus loin queson nez ;  
L'autre était passé maître en fait de  
tromperie :

La soif les obligea de descendre en un puits.

Là chacun d'eux se désaltère.

Après qu'abondamment tous deux en eu-  
rent pris,

Le Renard dit au Bouc : « Que ferons-nous,  
compère ?

Ce n'est pas tout de boire, il faut sortir d'ici.  
Lève tes pieds en haut, et tes cornes aussi.  
Mets les contre le mur : le long de ton échine

Je grimperai premièrement ;

Puis sur tes cornes m'élevant,

A l'aide de cette machine,

De ce lieu-ci je sortirai.

Après quoi je l'en tirerai.

— Par ma barbe, dit l'autre, il est bon ;  
et je loue

Les gens bien sensés comme toi.

Je n'aurais jamais, quant à moi,

### Hồ-li và Dê

« Cặp-tên » Hồ dạo cùng bạn thiết,  
Là bác Dê, sừng thiệt-sự dài.

Hồ-li xiên-xỏ đại-tài,  
Dê ta ngu-dốt, còn ai lạ gì.  
Đôi tri-kỷ đang đi khát nước,  
May dẫu vừa gặp được giếng khơi.

Đánh liều dò xuống tận nơi,  
Mỗi chàng làm thẳng một hơi mát lòng.

Uống thỏa-thích vừa xong, Cáo hỏi :

« Tinh cách sao ? bác nói tôi hay.

Đành rằng khỏi khát rồi đây,  
Nhưng làm sao tự dưới này trèo lên ?

Tôi nghĩ mãi mới nên kể nọ.

Bác đưa sừng, giờ vó trước lên,

Bám vào bờ giếng đứng yên,  
Tôi theo lưng bác mon-men bước dần.

Rồi sừng bác lần-lần leo mãi,

Cứ mẹo này tất phải thoát-li.

Hồ mà ra khỏi chỗ nì,  
Tôi liền kéo bác tức-thì lên ngay. »

Dê bèn đáp : « Chúc hay nhất-hạng ;  
Bác khôn-ngoa quả đáng khen thay.

Trouvé ce secret, je l'avoue. »  
 Le Renard sort du puits, laisse son compa-  
 guon,  
 Et vous lui fait un beau sermon,  
 Pour l'exhorter à patience :  
 « Si le ciel l'eût, dit-il, donné par excel-  
 lence  
 Autant de jugement que de barbe au  
 menton,  
 Tu n'aurais pas, à la légère,  
 Descendu dans ce puits. Or, adieu ; j'en  
 suis hors,  
 Tache de t'en tirer, et fais tous les ef-  
 forts,  
 Car pour moi, j'ai certaine affaire  
 Qui ne me permet pas d'arrêter en chemin. »  
 En toute chose il faut considérer la fin.

LA FONTAINE

Còn như cái trí tôi đây.  
 Tôi xin thú thực mưu này chịu tho. »  
 Hồ-li mới lờ-dò khỏi giếng,  
 Đã quay đầu, cất tiếng mĩ-mai :  
 « Nay này, tớ hỏi, Dê ơi,  
 Râu dê bồm-bểm, vậy thời ích chi ?  
 Vì trời cũng cho mi trí-tuệ,  
 Như chòm râu kia dề mà suy,  
 Chắc mi chẳng có dại gì,  
 Theo ta xuống giếng làm chi thêm phiền.  
 Giờ ta đã lên trên rồi đó,  
 Ta khuyên mi nên cố lên sau.  
 Cứ ta công-việc còn nhiều,  
 Không sao trì-hoãn, xin chào mi thôi. »  
 Phàm muôn việc ở đời cũng rứa,  
 Nên xét xem kết-quả thế nào.

VŨ VĂN-LỄ

Giáo-học trường Trung-Pháp Văn-nam dịch

### Morts pour la Patrie

Ceux qui pieusement sont morts pour  
 la patrie  
 Ont droit qu'à leur cercueil la foule  
 vienne et prie.  
 Entre les plus beaux noms leur nom  
 est le plus beau.  
 Toute gloire près d'eux passe et tombe  
 éphémère.  
 Et, comme ferait une mère,  
 La voix d'un peuple entier les berce  
 en leur tombeau.  
 Gloire à notre France éternelle !  
 Gloire à ceux qui sont morts pour elle !  
 Aux martyrs, aux vaillants, aux forts,  
 A ceux qu'enflamme leur exemple,  
 Qui veulent prendre place au temple,  
 Et qui mourront comme ils sont  
 morts.

VICTOR HUGO

### Vị quốc vong thân

Phàm những đấng tận-trung báo-quốc,  
 Lúc thác rồi vẫn được suy-tôn.  
 Quốc-dân kéo đến đông ngàn,  
 Trước quan-tài nguyện linh-hồn siêu-thăng.  
 Tiếng thom dề vang-lừng hậu-thế,  
 Còn phương-danh nào dễ sánh tầy.  
 Bao nhiêu danh-dự đời nay,  
 So vào chưa được mấy ngày đã qua.  
 Cả toàn-quốc thiết-tha bên mộ,  
 Trạ-hồ như tiếng mẹ du con !  
 Vinh thay Tò-quốc giang-son,  
 Nghìn muôn năm vẫn hãy còn y-nguyên.  
 Vinh thay bậc trung-can nghĩa-khi,  
 Vị nước nhà dĩ-chí quyền-sinh !  
 Vinh thay những vị liêu minh,  
 Đắc trung thiết phận cũng đành quân chi.  
 Vinh thay các nam-nhi hào-hiệp,  
 Các anh-hùng lẫm-liệt uy-phong !  
 Vinh thay kẻ trọng nghĩa công,  
 Thấy gương trung-ái nức lòng noi theo !  
 Ý cũng muốn dự đài Kỷ-niệm,  
 Chết còn lưu cái tiếng trung-thần.

VŨ VĂN-LỄ

Giáo-học trường Trung-Pháp Văn-nam dịch